

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST

Ngày 20-9-2023

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Như Tạ và bà Lê Thị Nguyệt

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Chính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'lấp tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần X; trụ sở tại: Cụm Công nghiệp K1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; là người đại diện theo ủy quyền – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Hội nông dân xã N; địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; là đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội nông dân xã) – có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Dương Đức Đ và bà Lê Thị Hồng A; địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh

Đắk Nông— ông Đ có mặt, bà A vắng mặt.

- Ông Triệu Văn T và bà Đoàn Thị L; địa chỉ: Bon B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – ông C có mặt, bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình H trình bày:

Ngày 10/7/2017, Công ty cổ phần Đầu tư X (gọi tắt Công ty) do ông Trần Ngọc C, chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện và Hội nông dân xã N (gọi tắt là Hội nông dân xã) do ông Dương Đức Đ làm đại diện ký hợp đồng số 28/HDKT; theo hợp đồng Công ty bán cho Hội nông dân xã (là đầu mối giao dịch của các Hội viên Hội nông dân xã N) các loại phân bón như sau: NPK trung vi lượng, hữu cơ; NPK mùa mưa và các loại phân bón khác theo yêu cầu của bên mua. Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 31/12/2017, lãi suất chậm trả là 1,25%/ tháng tính từ thời điểm chậm trả đến khi thanh toán xong; Công ty chiết khấu 600.000/tấn cho Hội viên Hội nông dân xã N. Ngày 14/7/2017, Hội nông dân xã đặt hàng và nhận của Công ty 38 bao NPK 8-4-8+24SIO₂+TE+BO đơn giá 440.000 đồng/bao, thành tiền là 16.720.000 đồng và 26 bao NPK 15-0-15+TE BO đơn giá 630.000 đồng/bao, thành tiền là 16.380.000 đồng. Ngày 21/7/2017, Hội nông dân xã nhận 40 bao NPK 15-0-15+TE+BO đơn giá 630.000 đồng/bao, thành tiền là 25.200.000 đồng và 06 bao CaSiBio (khuyến mại). Ngày 25/02/2018 và ngày 19/7/2018, Công ty và Hội nông dân xã lập biên bản xác nhận công nợ, phía Hội nông dân xã còn nợ Công ty 26.720.000 đồng chưa trừ chiết khấu. Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hội nông dân xã phải trả tiền gốc sau khi trừ chiết khấu là 23.080.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/ tháng tính từ tháng 3/2018 đến nay. Công ty không Đồng ý với ý kiến của người liên quan vì không có căn cứ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H1 mới tiếp nhận Chủ tịch Hội nông dân xã từ tháng 3/2020. Khi tiếp nhận công việc từ ông Dương Đức Đ không thấy bàn giao hợp đồng ký kết giữa Công ty và Hội nông dân xã (đại diện là Ông Đ). Vì vậy, bà H1 không nắm được Ông Đ đã thanh toán tiền cho Công ty hay chưa và cũng không biết các Hội viên còn nợ tiền Công ty hay không. Vì vậy, bà H1 không Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với

Hội nông dân xã về việc hoàn trả số tiền 23.080.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh. Trường hợp chưa trả tiền thì đó cũng là nghĩa vụ của các Hội viên, Hội nông dân xã chỉ tham gia hỗ trợ các Hội viên trong việc mua bán phân bón và giải quyết tranh chấp.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Đức Đ và bà Lê Thị Hồng A trình bày: Ông Đ nguyên là Hội trưởng Hội nông dân xã N; năm 2017, ông được phía Công ty đến chào, giới thiệu sản phẩm phân bón, có cung cấp văn bản giới thiệu của Hội nông dân tỉnh nên ông đã tin tưởng và giới thiệu cho các Hội viên hội nông dân tham gia mua phân bón của Công ty. Trong đó ông mua 08 bao phân NPK 15-6-15+13S+TE +BO của Công ty với số tiền là 5.040.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Ông Đ đã nhận phân bón nhưng là loại NPK 15-6-15+TE +BO (không có 13S) nhưng vẫn tính tiền giá là 5.040.000 đồng. Sau khi bón phân của Công ty cho cà phê thì cây không phát triển, ông bà cho rằng nguyên nhân do Công ty giao phân bón không đủ hàm lượng và sai loại phân bón trong thỏa thuận. Đối với số tiền Công ty chiết khấu là 3.640.000 đồng là chiết khấu cho Ông Đ nên ông sẽ trừ vào số tiền còn nợ, hiện nay ông bà chỉ còn nợ Công ty 1.920.000 đồng. Số tiền này ông bà chỉ đồng ý trả sau khi đã giải quyết cây trồng của người dân bị thiệt hại.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Triệu Văn T và bà Đoàn Thị L trình bày: ông T mua của Công ty 32 bao phân NPK dạng hạt với số tiền là 20.160.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Sau khi bón phân của Công ty thì cây trồng có dấu hiệu dừng phát triển nên ông bà phải chặt bỏ cây trồng cũ và trồng lại cây trồng mới; ông bà chỉ đồng ý trả tiền còn nợ với điều kiện Công ty bồi thường cho khoản thiệt hại ông bà phải chịu vì phải chặt bỏ cây trồng cũ để trồng lại cây trồng mới. Ông bà không Đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ông C mua 08 bao phân NPK dạng bột của Công ty với số tiền là 3.520.000 đồng, đã trả được 2.520.000 đồng; hiện nay còn nợ 1.000.000 đồng chưa thanh toán. Sau khi bón phân của Công ty cho tiêu thì cây không phát triển và chết nên ông bà chỉ đồng ý trả tiền gốc với điều kiện Công ty bồi thường cho cây trồng bị chết và không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng, đầy

đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Hội nông dân xã N là người đứng ra đại diện cho Hội viên mua phân bón của Công ty, số tiền phân bón còn nợ chưa thanh toán là 23.080.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng; đơn khởi kiện Công ty yêu cầu tiền lãi chậm trả từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2021 với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với thỏa thuận, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên đề nghị chấp nhận. Đối với tiền lãi chậm trả từ tháng 4/2021 đến nay là vượt quá phạm vi khởi kiện nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Hội nông dân xã N trả tiền theo thỏa thuận mua bán phân bón. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"; bị đơn có trụ sở tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quyền khởi kiện: Giữa Công ty và Hội nông dân xã ký kết hợp đồng mua bán số: 28/HĐKT ngày 10/7/2017, bên bán là Công ty (Bên A) do ông Trần Ngọc Công là đại diện và bên mua là Hội nông dân xã (Bên B) do ông Dương Đức Đ – Chủ tịch Hội nông dân xã là đại diện; theo hợp đồng Hội nông dân xã là đầu mối giao dịch của Hội viên Hội nông dân xã mua phân bón của Bên A và có trách nhiệm thanh toán cho Bên A chậm nhất là ngày 31/12/2017; Công ty và Hội nông dân cũng đã lập biên bản xác nhận công nợ. Vì vậy, Công ty có quyền khởi kiện Hội nông dân xã đối với số tiền chưa thanh toán.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Hồng A, bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[4]. Hợp đồng mua bán số: 28/HĐKT ngày 10/7/2017 ký kết giữa Công ty và Hội nông dân xã là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đúng theo quy định tại các điều Điều 430, Điều 431, Điều 453 của Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng thể hiện Hội nông dân xã là đầu mối giao dịch của Hội viên Hội nông dân xã (đại diện cho các Hội viên) mua phân bón của Công

ty theo hình thức trả chậm. Ngày 14/7/2017, Hội nông dân xã đặt hàng và nhận của Công ty 38 bao NPK 84-8|24SIO2+TE+BO (hàng trộn) đơn giá 440.000 đồng/bao thành tiền là 16,720.000 đồng và 26 bao NPK 15-0-15+TE BO đơn giá 630.000 đồng/bao, thành tiền là 16.380.000 đồng. Danh sách các Hội viên Hội nông dân xã N nhận phân bón HCDV gồm: nhận phân bón NPK 15-6-15 có ông Trần Quốc Kh 1.000kg (20 bao), ông Trịnh Đình Đ1 300kg (6 bao), ông Triệu Văn T 1.600kg (32 bao), ông Dương Đức Đ 400kg (8 bao); nhận phân bón NPK 8-4-8 có ông Điều Th1(1.500kg (30 bao), ông Nguyễn Văn C 400kg (8bao). Tổng số tiền phân bón đã nhận là 58.300.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công nhận có mua và đã được nhận phân bón nên việc mua bán phân bón chậm trả giữa Công ty và Hội viên Hội nông dân xã N là có trên thực tế.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty H về tiền gốc thấy:

Hợp đồng mua bán số: 28/HĐKT ngày 10/7/2017 thể hiện thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 31/12/2017, ông Dương Đức Đ cũng công nhận thỏa thuận này. Ngày 25/02/2018 và ngày 19/7/2018, Công ty và Hội nông dân xã lập biên bản xác nhận công nợ thể hiện Hội nông dân xã còn nợ Công ty 26.720.000 đồng chưa trừ chiết khấu. Theo hợp đồng, Hội nông dân xã là đầu mối giao dịch của các Hội viên Hội nông dân nên về bản chất việc mua bán phân bón là giữa Công ty và Hội viên nên nghĩa vụ thanh toán là của người nhận phân bón. Những Hội viên Hội nông dân còn nợ phân bón gồm: ông Dương Đức Đ còn nợ 5.040.000 đồng; ông Triệu Văn T còn nợ 20.160.000 đồng và ông Nguyễn Văn C còn nợ 1.920.000 đồng. Hội nông dân xã là người đại diện và thỏa thuận chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty nên có trách nhiệm liên đới cùng với Hội viên thanh toán số tiền còn nợ nêu trên. Phân bón được mua sử dụng cho mục đích chung của gia đình nên bà Lê Thị Hồng A, bà Đoàn Thị L và bà Nguyễn Thị Th cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ phải trả của gia đình mình

Công ty khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Hội nông dân xã phải trả 23.080.000 đồng còn nợ (sau khi trừ chiết khấu 3.640.000 đồng) là có căn cứ nên chấp nhận. Tiền chiết khấu được trả cho Hội viên nên số tiền mỗi người phải trả tương ứng với giá trị phân bón mình đã mua sau khi trừ chiết khấu như sau: Ông Đ là 4.386.000 đồng, ông T là 17.545.000 đồng, ông C là 1.149.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty về 7.087.000 đồng tiền lãi chậm trả thấy: Tiền lãi chậm trả được ghi nhận trong hợp đồng là 1,25%/tháng, thời hạn chậm trả tính từ ngày 01/01/2018 đến 20/9/2023 là 57 tháng 20 ngày; trong đơn khởi kiện

Công ty yêu cầu tiền lãi chậm trả 0,83%/tháng và tính trong thời hạn 37 tháng (từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2021) là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật nên chấp nhận, trong đó tiền lãi từng người phải trả tương ứng với số tiền gốc còn nợ, cụ thể như sau: Ông Đ phải trả 1.347.000 đồng, ông T phải trả 5.387.000 đồng, ông C phải trả 353.000 đồng. Tổng số tiền từng người phải trả gồm: Ông Đ phải trả là 5.733.000 đồng, ông T phải trả 22.932.000 đồng, ông C phải trả 1.502.000 đồng. Đối với tiền lãi từ tháng 4/2021 đến nay là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ông Đ, ông T và ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 440, Điều 453, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đầu tư X.
2. Buộc Hội nông dân xã N và ông Dương Đức Đ, bà Lê Thị Hồng A chịu trách nhiệm liên đới trả cho Công ty 4.386.000 (*bốn triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn*) đồng tiền gốc và 1.347.000 (*một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng tiền lãi. Tổng cộng là 5.733.000 (*năm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn*) đồng, trong đó ông Dương Đức Đ, bà Lê Thị Hồng A phải trả toàn bộ 5.733.000 (*năm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn*) đồng.

Buộc Hội nông dân xã N và ông Triệu Văn T, bà Đoàn Thị L chịu trách nhiệm liên đới trả cho Công ty 17.545.000 (*mười bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng tiền gốc và 5.387.000 (*năm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng tiền lãi. Tổng cộng là 22.932.000 (*hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn*) đồng, trong đó ông Triệu Văn T, bà Đoàn Thị L phải trả toàn bộ 22.932.000 (*hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn*) đồng.

Buộc Hội nông dân xã N và ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Th chịu trách nhiệm liên đới trả cho Công ty 1.149.000 (*một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng tiền gốc và 353.000 (*ba trăm năm mươi ba nghìn*) đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.502.000 (*một triệu năm trăm lẻ hai nghìn*) đồng, trong đó ông

Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị L phải trả toàn bộ 1.502.000 (*một triệu năm trăm lẻ hai nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí*: Buộc ông Dương Đức Đ và bà Lê Thị Hồng A phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng; ông Triệu Văn T và bà Đoàn Thị L phải chịu 1.146.600 (*một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm*) đồng; ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần Đầu tư X 769.000 (*bảy trăm sáu mươi chín nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005296 ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký tên và đóng dấu*)

Vũ Văn Tuấn